



máo lì

毛利

noun · gross profit

Example Sentences

Zhè jiā diàn de máo lì hěn gāo

这家店的毛利很高。

This store's gross profit is very high.

Gōng sī jīn nián máo lì bǐ qù nián zēng zhǎng le bǎi fēn zhī shí

公司今年毛利比去年增长了百分之十。

The company's gross profit this year increased by ten percent compared to last year.

Trace each character, then write the word on your own.

毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛													
利	利	利	利	利	利	利	利	利	利	利									